

Bản án số: 90/2024/DS-ST

Ngày 16 - 9 - 2024

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Ông Nguyễn Trường Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2024; về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty X;

Địa chỉ: Ấp Q, xã E, huyện R, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Vuur Thanh L, sinh năm 1974 - Chức vụ: Chủ tịch Công ty, kiêm Giám đốc;

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/02/2024). (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Ngô Văn D1, sinh năm 1971; (vắng mặt)

2. Bà Dương Thị L2, sinh năm 1975; (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp Y, xã U, huyện W, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2024, bản tường trình ngày 22/03/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D trình bày: Từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018, ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 có mua vật tư xây dựng của Công ty X (sau đây viết tắt Công ty) để xây nhà với tổng số tiền mua là 181.936.000 đồng. Trong giao kết mua bán giữa Công ty với ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 không thỏa thuận việc chậm thanh toán sẽ trả lãi chậm trả cho Công ty.

Ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 có trả được số tiền là 118.000.000 đồng, bao gồm 8.658.000 đồng trả trước và các khoản trả riêng lẻ vào các ngày 14/12/2017 trả 30.000.000 đồng, ngày 19/01/20218 trả 40.000.000 đồng, ngày 31/10/2018 trả 28.000.000 đồng và ngày 15/9/2019 trả 20.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền mua vật tư xây dựng còn nợ là 55.305.000 đồng, tính từ lần trả cuối cùng đến nay đã 05 năm mà ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 không trả cho Công ty. Được biết, hiện nay ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 vẫn có khả năng chi trả nhưng không tự nguyện trả cho Công ty. Việc ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 không trả nợ đã gây cho Công ty nhiều khó khăn, thiệt hại.

Nay Công ty yêu cầu Tòa án nhân dân huyện W giải quyết: Buộc ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 phải trả cho Công ty X số tiền còn thiếu là 55.305.000 đồng; không yêu cầu trả lãi.

2. Bị đơn Ngô Văn D1 và Dương Thị L2: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 36/2024/TB-TLVA ngày 06/02/2024 và Thông báo (Về việc yêu cầu đương sự tự khai và cung cấp chứng cứ) số 19/2024/TB-TA ngày 05/03/2024 của Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng nhưng ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 không nhận. Đồng thời, Tòa án đã thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không tham gia và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung và yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật; đối với bị đơn không có ý thức chấp hành pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện, từ tháng 11/2017 nguyên đơn Công ty X có bán vật tư xây dựng cho bị đơn ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 nhiều lần, tính đến ngày tháng 01/2018 hai bên chốt nợ, tổng số tiền mua vật tư là 181.936.000 đồng; bị đơn đã thanh toán được 118.000.000 đồng; số tiền còn lại là 55.305.000 đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán số tiền mua vật tư còn nợ là 55.305.000 đồng và yêu cầu không yêu cầu tính lãi.

[2] Xét thấy, số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn 55.305.000 là tiền mua nợ vật tư xây dựng xuất phát từ giao dịch mua bán, nhưng các bên đã kết nợ và chấm dứt việc mua bán từ tháng 01/2018; bị đơn chỉ còn thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn; sau khi kết nợ bị đơn có thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng trả không đầy đủ nên nguyên đơn khởi kiện đòi lại số tiền còn nợ. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là chưa chính xác, chưa đúng theo quy định; Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp “*Đòi lại tài sản*” phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 11, Điều 164, Điều 166 và Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Trong vụ án bị đơn ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 cư trú tại ấp Y, xã U, huyện W, tỉnh Sóc Trăng, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt không gây trở ngại đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung:

[1] Theo nguyên đơn, từ tháng 11 năm 2017 giữa nguyên đơn với bị đơn có xác lập, giao dịch mua bán vật tư xây dựng, bị đơn nhiều lần mua vật tư xây dựng của nguyên đơn, tính đến ngày tháng 01/2018 chốt nợ thì tổng số tiền bị đơn mua nợ là

181.936.000 đồng; trừ số tiền bị đơn đã thanh toán trước và số tiền sau chốt nợ bị đơn thanh toán, tổng cộng thanh toán được 118.000.000 đồng; số tiền còn lại là 55.305.000 đồng thì ngưng thanh toán cho đến nay. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán tiền gốc mua vật tư xây dựng là 55.305.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

[2] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tờ “TOA HIA VỊ U 2017” thể hiện lịch sử giao dịch giữa các bên có chữ ký của ông Ngô Văn D1 tại cuối bảng thể hiện số tiền còn nợ là 55.305.000 đồng; tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2024 bị đơn đã thừa nhận còn nợ số tiền như nguyên đơn khởi kiện là 55.305.000 đồng, nên thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử, có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 55.305.000 đồng là sự việc có thật và xảy ra trong thực tế khách quan.

[3] Xét thấy, khi thực hiện hợp đồng mua bán, trên thực tế nguyên đơn đã bán vật tư xây dựng cho bị đơn mua nhiều lần, tính đến tháng 01/2018 chốt nợ tổng số tiền mua là 181.936.000 đồng và các bên đã chấm dứt mua bán; sau khi trừ tiền bị đơn trả trước và bị đơn tiếp tục trả nhiều lần đến ngày 15/9/2019 được số tiền 118.000.000 đồng; bị đơn còn nợ nguyên số tiền là 55.305.000 đồng, đây là số tiền thuộc sở hữu của nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền đòi lại theo quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặt khác, sau khi chốt nợ bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền mua nợ cho nguyên đơn, nhưng bị đơn trả nợ nhiều lần kéo dài (từ tháng 01/2018 đến tháng 9/2019) và số tiền còn nợ lại kéo dài đến nay nhiều năm không thanh toán là gây thiệt hại và xâm hại đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả tiền, đã phát sinh lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên bị đơn phải thực hiện trả tiền nợ đầy đủ và bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc theo Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, theo khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua vật tư xây dựng còn nợ là 55.305.000 đồng và không yêu cầu trả lãi là có căn cứ và là có lợi cho bị đơn.

[4] Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người được thi hành án và được trả tiền; khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì bị đơn phải giao trả đủ số tiền 55.305.000 đồng theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2019 và 2022). Nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 55.305.000 đồng.

[7] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có

cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch số tiền 2.765.250 đồng (55.305.000 đồng x 5%), theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền nộp tạm ứng phí 1.375.000 đồng theo biên lai thu số 0000221 ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 164, Điều 166 và Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty X đối với bị đơn ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2.

Buộc bị đơn ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty X số tiền là 55.305.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Công ty X có đơn yêu cầu thi hành án thì bị đơn ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 phải giao trả đủ số tiền 55.305.000 đồng theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2019 và 2022). Nếu bị đơn ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Ngô Văn D1 và bà Dương Thị L2 phải chịu 2.765.250 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.375.000 đồng theo biên lai thu số 0000221 ngày 02/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2019 và 2022), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2019 và 2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hùng Nuôi